

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Châm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Hoan

2. Bà Phạm Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Thái Ngọc Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị H, sinh năm: 1988. Nơi cư trú: Bản H, xã P, huyện Đ (nay là xã P), tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt có lý do)

2. *Bị đơn:* Anh Cà Văn D, sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Bản N, xã P, thành phố Đ (nay là xã M), tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2025 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D đăng kí kết hôn ngày 24/8/2016 tại UBND xã P, huyện Đ (nay là xã M), tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn hoàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D thường xuyên uống rượu say, đánh đập, chửi mắng và ghen tuông vô cớ nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau. Tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã P sinh sống từ cuối năm 2021.

Trong thời gian sống ly thân, anh chị đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương đến nhà hòa giải nhưng không thành, từ năm 2021 đến nay anh chị sống ly thân, không còn quan tâm gì tới nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Anh chị có 03 người con chung là các cháu: Cà Tấn V, sinh ngày 11/12/2015; Cà Thị Lan M, sinh ngày 04/4/2016 và Cà Hà L, sinh ngày 28/7/2019. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu V ở với anh D còn cháu M và cháu L ở với chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu M và cháu L còn để anh D nuôi cháu V cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả và nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh Cà Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng khác của Tòa án tại nơi cư trú, Ủy ban nhân dân xã và trụ sở Tòa án nhưng anh D không có văn bản trả lời Thông báo thụ lý vụ án, vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải và các phiên tòa.

Tại Đơn trình bày nguyện vọng của các con chung đề ngày 23/7/2025: Cháu Cà Tấn V trình bày cháu có nguyện vọng được ở với bố; Cháu Cà Thị Lan M và cháu Cà Hà L trình bày các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Anh D vắng mặt không lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất; sau đó chị H đề nghị không tiến hành hòa giải nên theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 (sau đây gọi tắt là BLTTDS) thì vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh D tại xã M, tỉnh Điện Biên.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX vào nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H; Về con chung: Giao cháu Cà Tấn V cho anh D nuôi dưỡng, giao các cháu Cà Thị Lan M và Cà Hà L cho chị H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con và quan hệ tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh D và yêu cầu giải quyết về con chung nên đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh D có nơi cư trú tại bản Nghiêu 1, xã M, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

Các vấn đề khác: Nguyên đơn chị H và bị đơn anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do; vì vậy căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh D đăng ký kết hôn vào ngày 24/8/2016 tại UBND xã P, huyện Đ (nay là xã M), tỉnh Điện Biên. Chị H và anh D kết hôn với nhau là tự nguyện, không bị ai ép buộc và tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo qui định của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D là hôn nhân hợp pháp.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H và Công văn số 180/CV-UBND ngày 07/8/2025 của UBND xã M, tỉnh Điện Biên thể hiện: Sau khi kết hôn, chị H và anh D chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau. Anh, chị đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã P sinh sống từ cuối năm 2021. Từ đó đến nay, anh chị sống ly thân không còn quan tâm gì tới nhau nữa. Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa chị H và anh D là có thật; vợ chồng đã sống ly thân được khoảng 04 năm và không còn đi lại, quan tâm gì đến nhau nữa; hôn nhân giữa chị H và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị H.

[2.2] Về con chung:

Chị H và anh D có 03 con chung là các cháu: Cà Tấn V, sinh ngày 11/12/2015; Cà Thị Lan M, sinh ngày 04/4/2016 và Cà Hà L, sinh ngày 28/7/2019. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu V ở với anh D còn cháu M và cháu L ở với chị H. Chị H có nguyện vọng được nuôi cháu M và cháu L còn để anh D nuôi cháu V. Anh D không có văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án, không đến tham gia phiên họp và cũng không đến tham gia phiên tòa để trình

bày quan điểm của mình về nguyện vọng nuôi con. Theo Công văn số 180/CV-UBND ngày 07/8/2025 của UBND xã M, tỉnh Điện Biên và Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của chị H tại Trưởng bản Huổi Tao B; UBND xã P thể hiện cháu V đang sống cùng bố mẹ anh D tại xã M, anh D đang đi làm thuê tại Hà Nội, chị H hiện tại làm nông nghiệp và làm thuê có đủ điều kiện và thời gian nuôi dưỡng các con chung. Tại Đơn trình bày nguyện vọng của các con chung thể hiện, cháu V có nguyện vọng được ở với anh D còn cháu M và cháu L có nguyện vọng được ở với chị H. Xét thấy nguyện vọng của chị H cũng như các con chung là phù hợp với thực tế, không trái với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của các con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu M và cháu L cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu V cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi các con chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh D không trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả và nợ lấy về: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS, chị H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm nhưng chị H là người dân tộc thiểu số cư trú ở nơi có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét ý kiến và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273/BLTTDS;

- Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H được ly hôn anh Cà Văn D.

2. Về con chung:

Chị Lò Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là cháu Cà Thị Lan M, sinh ngày 04/4/2016 và cháu Cà Hà L, sinh ngày 28/7/2019 cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động.

Anh Cà Văn D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 con chung là cháu Cà Tấn V, sinh ngày 11/12/2015 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Việc cấp dưỡng nuôi các con chung chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả và nợ lấy về.

4. Về án phí: Chị Lò Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị H và anh Cà Văn D vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 1 - Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Mường Phăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Châm